

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03/8/2018.
V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Mai Văn Thanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Thuý An.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2018, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 và quyết định hoãn phiên toà số 65/2018/ QĐHPT ngày 12/7/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bùi Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ ấp Mỹ T3, xã Mỹ Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

-Bị đơn: Nguyễn Hồng X, sinh năm 1988;

Địa chỉ ấp Mỹ TB, xã Mỹ A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Trước đây chị và anh X có quen biết và tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010, tuy nhiên hai bên không đăng ký kết hôn, trong thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng hơn 1 năm sau

thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách ứng xử, vợ chồng không hoà hợp, nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh X.

- Về con chung: Chị T và anh X thống nhất trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 04/10/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 06/7/2013 từ lúc sinh ra đến nay cháu D và Bảo N sống chung với anh chị. Đến cuối năm 2013, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thì chị X đem cháu Bảo N về sống chung với cha mẹ ở ấp 3, xã Mỹ Q, huyện Tháp M. cháu Bảo D sống chung với anh X. Nay, chị Thập thống nhất giao cháu Bảo D cho anh X nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo N.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2018, bị đơn Nguyễn Hồng X trình bày:

- Về hôn nhân: Thừa nhận như lời trình bày của chị T, trước khi quen biết nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010, anh chị sống chung, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh X thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 04/10/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 06/7/2013 từ lúc chị T sinh cháu Bảo N đến nay thì anh và chị T đã ly thân, cháu D sống chung với cha mẹ anh, còn cháu Bảo N thì theo chị Thập về sống chung với cha mẹ chị T ở xã Mỹ Q. Theo anh X thì từ khi ly thân đến nay anh có nhiều lần đến thăm cháu Bảo N nhưng cháu Bảo N không được chăm sóc tốt và không được đi học nên anh X yêu cầu được nuôi cháu Bảo N.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuy nhiên bị đơn không chấp hành tốt nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về tố tụng: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng.

+ Về nội dung: Chị T và anh X quen biết tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2010, tuy nhiên hai bên đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, từ năm 2013 đến nay kể từ khi chị T sinh cháu Bảo N thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T về ở nhà cha mẹ ruột vợ chồng đã ly thân từ cuối

năm 2013 đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh X và yêu cầu được xin ly hôn.

+ Về con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/7/2013, tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2018 anh X không đồng ý giao con cháu Bảo N cho chị T nuôi mà yêu cầu được nuôi cháu N, xét thấy việc yêu cầu của anh X là không có căn cứ bởi lẽ anh X đã nuôi cháu Bảo D nên phải giao cháu Bảo N cho chị T, mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2018 anh X cho rằng điều kiện hiện nay anh cũng đi xa nhà gởi 02 cháu cho bà nội nên điều kiện kinh tế cũng khó khăn nên việc yêu cầu của anh X không được chấp nhận .

Đề xuất hướng giải quyết: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng X, không chấp nhận yêu cầu của anh X về việc xin được nuôi con chung tên Nguyễn Bảo N, buộc anh X giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về hôn nhân: Chị T và anh X được hai bên tổ đám cưới vào năm 2010 có thời gian sống chung hạnh phúc, có 02 con chung, lẽ ra hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại cả chị T và anh X không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên để mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được. Đối với việc chị T xin ly hôn với anh X; Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù việc sống chung của chị T và anh Xa đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng chị T, anh X đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi vì, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....” và khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân gia đình cũng có quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”. Do đó, không công nhận chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng X là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

- [2] Về con chung: Chị T và anh X thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 04/10/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 06/7/2013. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh X được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Bảo D, sinh ngày 04/10/2011. Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/7/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu của chị T là có căn cứ bởi lẽ do điều kiện hiện nay của chị T là đủ điều kiện chăm sóc giáo dục cháu Bảo N và

cháu Bảo N sống chung với chị từ lúc sinh ra đến nay, đến khoảng tháng 3 năm 2018 chị Bé M là chị chồng là cô ruột có xuống rước cháu Bảo N về nhà mẹ anh X (bà nội) ở chơi đến nay do đó xét thấy việc buộc anh X giao cháu Bảo N cho chị T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo N.

Chị T anh X có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm chị T, anh X được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

- [3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- [4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- [5] Xét đề xuất hướng giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- [6] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217 Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng X là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T. Chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 06/7/2013.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T và anh X, anh X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo D.

Buộc anh Nguyễn Hồng X có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Bùi Thị T.

Chị T, anh X có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị T, anh X được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 3000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 000059 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Anh Nguyễn Hồng X không phải phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện, Tỉnh;
- Chi cục THADS Huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (TT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phạm Thanh Tuấn

